

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 12 – 4 - 2019.

V/v ly hôn giữa chị T và anh H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng.

- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Đội 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Đội 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị Đinh Thị T, vắng mặt anh Đinh Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày: Chị và anh Đinh Văn H đăng ký kết hôn vào tháng 11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H có hành vi ngoại tình, thường xuyên không quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn H.

Về con chung chị Đinh Thị T xác định chị và anh Đinh Văn H có hai con chung là cháu Đinh Trung N, sinh ngày 28/9/2004 và cháu Đinh Trung H, sinh

ngày 22/9/2007, sau khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung chị T xác định giữa chị và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh H đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam N, tỉnh Ninh Bình do vậy Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình làm việc với bị đơn anh Đinh Văn H, anh H có bản tự khai và đơn xin không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xin xét xử vắng mặt. Nội dung bản tự khai của anh H khai về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều chị T đã trình bày tại Tòa án. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh H xác định là do không hợp tính cách quan điểm sống trái ngược nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã có lần xảy ra xô xát. Anh xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2013, chị T đã bỏ đi đâu anh H không biết, cũng trong quá trình vợ chồng sống ly thân thì anh H vi phạm pháp luật và phải chấp hành án tại Trại giam N. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân nhau đã lâu bản thân anh còn phải chấp hành án nên anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung, anh H xác định anh và chị T có hai con chung là cháu Đinh Trung N, sinh ngày 28/9/2004 và cháu Đinh Trung H, sinh ngày 22/9/2007. Khi ly hôn do anh phải chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, anh H nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và anh không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T được. Về tài sản chung, nợ chung anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn H. Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao hai con chung là cháu Đinh Trung N, sinh ngày 28/9/2004 và cháu Đinh Trung H, sinh ngày 22/9/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được quyền ngăn cản việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung, áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội để tuyên án phí sơ thẩm với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn H đều có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, nay chị Đinh Thị T xin ly hôn anh Đinh Văn H Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay anh Đinh Văn H vắng mặt nhưng anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn H kết hôn vào tháng 11/2003 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đến năm 2013 thì vợ chồng chị T anh H sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh H cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh H thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Đinh Trung N, sinh ngày 28/9/2004 và cháu Đinh Trung H, sinh ngày 22/9/2007. Ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi hai con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Phía anh H có quan điểm hiện nay anh đang phải chấp hành án tại trại giam N nên không có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên anh H nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho cháu H và cháu N và anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Thấy việc thỏa thuận của chị T anh H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn H.

2 - Về con chung: Xử giao cháu Đinh Trung N, sinh ngày 28/9/2004 và cháu Đinh Trung H, sinh ngày 22/9/2007 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đinh Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Đinh Thị T phải nộp 300.000 đồng nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số BB/2012/06363 ngày 26/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương